



tiān zhēn wú xié

天真无邪

idiom (adjective phrase) · innocent and pure

Example Sentences

Xiǎo hái zì tiān zhēn wú xié de xiào róng ràng rén kāi xīn
小孩子天真无邪的笑容让人开心。

Children's innocent and pure smiles make people happy.

Tā nà shuāng tiān zhēn wú xié de yǎn jīng dǎ dòng le wǒ
她那双天真无邪的眼睛打动了我。

Her innocent and pure eyes touched me.

Trace each character, then write the word on your own.

天	天	天	天	天	天	天				
真	真	真	真	真	真	真	真	真	真	真
真	真									
无	无	无	无	无	无	无				
邪	邪	邪	邪	邪	邪	邪	邪	邪		